TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2019.
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phát Triển.
2. Ông Nguyễn Chí Công.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐST-DS ngày 18/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1968; trú tại: Số nhà 11, khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973; trú tại: Số nhà 11, khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày :

Chị và anh Nguyễn Văn T1 do quen biết nhau và chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với anh T1 thì anh T1 có tình cảm với người còn gái khác, cuộc sống hôn nhân thường xuyên bất hòa không mang lại hạnh phúc. Vì thế, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng cuối tháng 04/2018 đến nay. Hiện tình cảm không còn thương anh T1. Nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 05/9/2005, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có chị T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2019 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh T1 thống nhất về thời gian vợ chồng chung sống như chị T trình bày, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng không có, cuộc sống chung không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh T1 đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 05/9/2005, hiện đang sống với chị T. Anh T1 thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, anh T1 không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có.

Tại tờ tường trình ngày 25/4/2019 Nguyễn Hữu T2 có nguyện vọng được sống với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án : Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T1 giao con chung tên Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 05/9/2005 cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã chung sống với nhau năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, quan hệ

hôn nhân của chị T, anh T1 không được pháp luật công nhận đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật HN&GĐ cụ thể quy định như sau *"Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."*

Tại khoản 1 Điều 14 Luật HN&GĐ có quy định " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 Luật HN&GĐ có ghi *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*

Vì vậy về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

[2] Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 05/9/2005, hiện đang sống với chị T. Chị T và anh T1 thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 05/9/2005 cho chị T nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của của T2. Sự thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 81,82 của Luật hôn nhân và gia đình về việc giao con chung cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, chị T anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có, chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận của chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 giao con chung tên Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 05/9/2005 cho chị T nuôi dưỡng.Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Chị Huỳnh Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn T1 trong việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008679, ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Chị Huỳnh Thị T đã nộp xong.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư